

**CÔNG TY CỔ PHẦN EVN QUỐC TẾ**

*(Thành lập tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam)*

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012  
đến ngày 30 tháng 6 năm 2012**



## MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	7 - 20

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần EVN Quốc tế (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

Ông Bùi Quang Hùng	Chủ tịch
Ông Nguyễn Nam Thắng	Ủy viên
Ông Nguyễn Quang Huy	Ủy viên
Ông Phạm Văn Thành	Ủy viên
Bà Nguyễn Thị Ngọc Mai	Ủy viên

#### **Ban Tổng Giám đốc**

Ông Nguyễn Nam Thắng	Tổng Giám đốc
Ông Trương Quang Minh	Phó Tổng Giám đốc

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Nam Thắng  
Tổng Giám đốc

Ngày 04 tháng 8 năm 2012

10/08/2012



Số: *192* /Deloitte-AUDHN-RE

## BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: **Các Cổ đông**  
**Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc**  
**Công ty Cổ phần EVN Quốc tế**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012 và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là "báo cáo tài chính") của Công ty Cổ phần EVN Quốc tế (gọi tắt là "Công ty"), từ trang 3 đến trang 20. Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo kết quả công tác soát xét về báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Công ty hiện đang hạch toán trên khoản mục "Chi phí xây dựng cơ bản dở dang" một số khoản chi phí lương, chi phí thuê nhà, chi phí công cụ dụng cụ và chi phí quản lý chung phát sinh trong 6 tháng đầu năm 2012 với giá trị là 3.280 triệu đồng (lũy kế đến ngày 30 tháng 6 năm 2012 với giá trị là 51.150 triệu đồng). Theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, các khoản chi phí nêu trên cần được hạch toán vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ hoạt động tương ứng.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, ngoại vấn đề được trình bày trên đây, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012 phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.



**Đặng Chí Dũng**  
**Phó Tổng Giám đốc**  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0030/KTV

**Thay mặt và đại diện cho**  
**CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM**

Ngày 04 tháng 8 năm 2012  
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**Đỗ Trung Kiên**  
**Kiểm toán viên**  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1924/KTV

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
 Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012

**MẪU SỐ B 01-DN**  
 Đơn vị : VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh		
			30/6/2012	31/12/2011
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100 = 110+120+130+140+150)	<b>100</b>		<b>120.657.166.802</b>	<b>130.978.738.629</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>28.834.440.244</b>	<b>29.136.328.849</b>
1. Tiền	111		534.440.244	1.636.328.849
2. Các khoản tương đương tiền	112		28.300.000.000	27.500.000.000
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>5</b>	<b>66.500.000.000</b>	<b>59.000.000.000</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		66.500.000.000	59.000.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>17.505.215.904</b>	<b>18.121.418.809</b>
1. Trả trước cho người bán	132		14.991.884.570	15.595.306.809
2. Các khoản phải thu khác	135	6	2.513.331.334	2.526.112.000
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>22.152.000</b>	<b>-</b>
1. Hàng tồn kho	141		22.152.000	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>7.795.358.654</b>	<b>24.720.990.971</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.125.546.182	2.661.439.423
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		6.182.249.467	18.786.579.174
3. Tài sản ngắn hạn khác	158	7	487.563.005	3.272.972.374
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200 = 220+250+260)	<b>200</b>		<b>284.272.878.840</b>	<b>273.678.168.215</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>280.304.434.214</b>	<b>269.901.075.056</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	10.329.494.566	2.614.925.001
- Nguyên giá	222		13.596.954.648	5.393.242.129
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(3.267.460.082)	(2.778.317.128)
2. Tài sản cố định vô hình	227	9	38.136.000.000	38.139.053.329
- Nguyên giá	228		38.174.721.745	38.174.721.745
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(38.721.745)	(35.668.416)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	10	231.838.939.648	229.147.096.726
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>3.713.327.400</b>	<b>3.680.367.927</b>
1. Đầu tư vào công ty liên kết	252	11	3.321.470.000	3.321.470.000
2. Đầu tư dài hạn khác	258		391.857.400	358.897.927
<b>III. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>255.117.226</b>	<b>96.725.232</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		158.391.994	-
2. Tài sản dài hạn khác	268		96.725.232	96.725.232
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)</b>	<b>270</b>		<b>404.930.045.642</b>	<b>404.656.906.844</b>

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 20 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**  
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012

**MẪU SỐ B 01-DN**  
Đơn vị : VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2012	31/12/2011
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b> (300 = 310)	<b>300</b>		<b>29.760.296.899</b>	<b>29.437.254.200</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>29.760.296.899</b>	<b>29.437.254.200</b>
1. Phải trả người bán	312		25.229.462.003	24.219.788.806
2. Người mua trả tiền trước	313		4.411.995.000	4.411.995.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314		22.218.261	80.338.364
4. Phải trả người lao động	315		96.621.635	692.432.030
5. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		-	32.700.000
<b>B. NGUỒN VỐN</b> (400 = 410)	<b>400</b>		<b>375.169.748.743</b>	<b>375.219.652.644</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>12</b>	<b>375.169.748.743</b>	<b>375.219.652.644</b>
1. Vốn điều lệ	411		366.771.459.148	366.771.459.148
2. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		862.294.476	862.294.476
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		7.535.995.119	7.585.899.020
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)</b>	<b>440</b>		<b>404.930.045.642</b>	<b>404.656.906.844</b>



Nguyễn Nam Thắng  
Tổng Giám đốc

Ngày 04 tháng 8 năm 2012

Hoàng Xuân Quý  
Kế toán trưởng

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
 Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012

MẪU SỐ B 02-DN  
 Đơn vị : VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		-	-
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		-	-
4. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	11		-	-
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và dịch vụ cung cấp (20 = 10-11)	20		-	-
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	13	5.669.945.045	4.033.079.915
7. Chi phí tài chính	22		-	-
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		4.077.209.368	4.438.412.185
10. Lợi nhuận/(Lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20+(21-22)-(24+25))	30		1.592.735.677	(405.332.270)
11. Thu nhập khác	31		20.000.001	51.290.059.091
12. Chi phí khác	32		1.662.639.579	38.932.471.800
13. (Lỗ)/Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	14	(1.642.639.578)	12.357.587.291
14. Tổng (lỗ)/lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		(49.903.901)	11.952.255.021
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	15	-	3.088.787.500
16. (Lỗ)/Lợi nhuận sau thuế (60 = 50-51)	60		(49.903.901)	8.863.467.521



Nguyễn Nam Thắng  
 Tổng Giám đốc

Ngày 04 tháng 8 năm 2012

Hoàng Xuân Quý  
 Kế toán trưởng

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 20 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012

**MẪU SỐ B 03-DN**

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ ngày 01/01/2012	Từ ngày 01/01/2011
		đến ngày 30/6/2012	đến ngày 30/6/2011
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	(49.903.901)	11.952.255.021
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	520.962.519	477.255.939
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(5.679.035.955)	(16.388.229.915)
3. (Lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu	08	(5.207.977.337)	(3.958.718.955)
Giảm/(Tăng) các khoản phải thu	09	15.960.201.842	(29.640.425.113)
(Tăng) hàng tồn kho	10	(22.152.000)	-
(Giảm)/Tăng các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(760.339.208)	4.236.673.409
Giảm chi phí trả trước	12	2.503.047.429	4.424.077.485
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	-	(3.088.787.500)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>12.472.780.726</b>	<b>(28.027.180.674)</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21	(10.966.485.952)	(17.099.601.507)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	9.090.910	51.274.150.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	24	(7.500.000.000)	(17.930.017.407)
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	5.682.725.711	4.481.273.915
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(12.774.669.331)</b>	<b>20.725.805.001</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>(301.888.605)</b>	<b>(7.301.375.673)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>29.136.328.849</b>	<b>39.329.585.632</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>28.834.440.244</b>	<b>32.028.209.959</b>


**Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ**

Tiền chi mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong kỳ không bao gồm 25.229.462.003 VND, là số tiền dùng để mua sắm tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang phát sinh trong kỳ mà chưa được thanh toán, và bao gồm số tiền 24.146.080.096 VND, là số tiền chi trả trong kỳ đối với chi phí xây dựng cơ bản phát sinh trong năm 2011. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.



Nguyễn Nam Thắng  
 Tổng Giám đốc

Ngày 04 tháng 8 năm 2012

  
 Hoàng Xuân Quý  
 Kế toán trưởng

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 20 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần EVN Quốc tế (gọi tắt là “Công ty”) trước đây là Công ty Cổ phần EVN Campuchia được thành lập ngày 01 tháng 10 năm 2007. Công ty Cổ phần EVN Quốc tế được cấp lại Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 3203002232 ngày 25 tháng 9 năm 2008 của Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng (do di chuyển trụ sở từ Hà Nội vào Đà Nẵng) và Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh thay đổi lần 4 ngày 16 tháng 01 năm 2012. Vốn điều lệ của Công ty là 2.400 tỷ VND, tổng số cổ phần là 240.000.000 cổ phần, với mệnh giá 10.000 VND/cổ phần, trong đó:

<b>Cổ đông của Công ty</b>	<b>Vốn góp (Triệu VND)</b>	<b>Tỷ lệ góp vốn (%)</b>
<b>I. Cổ đông pháp nhân</b>	<b>1.536.000</b>	<b>64%</b>
<b>II. Cổ đông thể nhân</b>	<b>864.000</b>	<b>36%</b>
Cổ đông thể nhân trong Tập đoàn Điện lực Việt Nam	720.000	30%
Cổ đông thể nhân ngoài Tập đoàn Điện lực Việt Nam	144.000	6%
<b>Tổng cộng (I+II)</b>	<b>2.400.000</b>	<b>100%</b>

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 là 48 (31 tháng 12 năm 2011: 48).

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Ngành nghề kinh doanh theo Giấy phép kinh doanh của Công ty là: Quản lý dự án; Xây dựng, vận hành công trình thủy điện Hạ Sê San 1/Sê San 5, Hạ Sê San 2 và các dự án điện lực khác tại Campuchia (theo quy định của pháp luật nước sở tại); Kinh doanh lâm nghiệp, khai thác mỏ tại Campuchia (theo quy định của pháp luật nước sở tại); Kinh doanh điện năng trong và ngoài nước; Dịch vụ quản lý vận hành các nhà máy điện trong và ngoài nước; Sửa chữa, bảo dưỡng, đại tu, cải tạo, nâng cấp thiết bị, công trình của các nhà máy điện trong và ngoài nước; Thí nghiệm điện; Giám sát thi công xây dựng - hoàn thiện công trình năng lượng (đường dây và trạm biến áp đến 500KV); Xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị điện; Tư vấn hoạt động chuẩn bị sản xuất cho các nhà máy điện; Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực về quản lý, vận hành, bảo dưỡng và sửa chữa thiết bị nhà máy điện (chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép); Xây dựng, vận hành các công trình điện; Sản xuất và truyền tải, kinh doanh mua bán điện trong và ngoài nước; Khai thác lâm sản, khai thác mỏ; Phát triển và kinh doanh bất động sản, cơ sở hạ tầng, khu công nghiệp trong và ngoài nước; Xuất khẩu, nhập khẩu điện năng; Nhập khẩu nhiên liệu, nguyên liệu phục vụ sản xuất điện; Khai thác và sản xuất đá, cát, xi măng, gạch các loại, sắt thép; Giám sát thi công xây dựng - hoàn thiện công trình thủy điện.

Theo Quyết định số 110/2007/QĐ-TTg ngày 18 tháng 7 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia giai đoạn 2006-2015 có xét đến năm 2025. Căn cứ theo Công văn số 5239/CV-EVN-TCCB&ĐT ngày 04 tháng 10 năm 2007 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam về việc giao công tác quản lý dự án các công trình dự án thủy điện Hạ Sê San 1/Sê San 5, Hạ Sê San 2 và lưới điện đồng bộ tại Campuchia cho Công ty Cổ phần EVN Campuchia (nay là Công ty Cổ phần EVN Quốc tế) tiếp tục thực hiện các công tác đầu tư xây dựng. Do đó, hoạt động chính của Công ty hiện nay là quản lý dự án và xây dựng, vận hành công trình thủy điện Hạ Sê San 1/Sê San 5, Hạ Sê San 2 và các dự án điện lực khác tại Campuchia.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN**

**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan về kế toán tại Việt Nam.

Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Kỳ kế toán**

Năm tài chính hàng năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012.

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Công cụ tài chính**

***Ghi nhận ban đầu***

***Tài sản tài chính***

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khác, đầu tư ngắn hạn và tài sản tài chính ngắn hạn và dài hạn khác.

***Công nợ tài chính***

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác.

***Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu***

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Dự phòng phải thu khó đòi**

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012</u>
	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 30
Máy móc, thiết bị	10
Phương tiện vận tải	5 - 6
Thiết bị văn phòng	3 - 5

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và quyền sử dụng website, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Công ty có quyền sử dụng đất không thời hạn tại thửa đất số 91 tờ bản đồ số 11 mặt tiền đường Xô Viết Nghệ Tĩnh thuộc khu dân cư Khuê Trung - Đò Xu - Hòa Cường, phường Khuê Trung, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng với diện tích là 2.542,4 m<sup>2</sup>. Công ty đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE572292 do Ủy ban Nhân dân thành phố Đà Nẵng cấp ngày 14 tháng 3 năm 2011. Do đây là giá trị quyền sử dụng đất không thời hạn nên Công ty không trích khấu hao.

Quyền sử dụng website được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 3 năm.

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**Đầu tư vào công ty liên kết**

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

2506  
G T  
EM H  
DIT  
NA  
- TP

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

#### Ghi nhận doanh thu

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

#### Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh do chuyển đổi ngoại tệ các tài khoản này, bao gồm chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại, được ghi nhận vào khoản mục “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” trong phần “Vốn chủ sở hữu” trên bảng cân đối kế toán. Khi công trình xây dựng nhà xưởng, văn phòng của Công ty hoàn thành, toàn bộ chênh lệch tỷ giá phát sinh thực tế lũy kế được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, phần chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại lũy kế được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong thời gian không quá 5 năm.

#### Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Thuế (Tiếp theo)**

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, Công ty không có khoản chênh lệch tạm thời trọng yếu giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên bảng cân đối kế toán với cơ sở tính thuế thu nhập.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<u>30/6/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	VND	VND
Tiền mặt	418.563.000	76.094.000
Tiền gửi ngân hàng	115.877.244	1.560.234.849
Các khoản tương đương tiền (*)	28.300.000.000	27.500.000.000
	<u>28.834.440.244</u>	<u>29.136.328.849</u>

(\*) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi của Công ty có kỳ hạn không quá 3 tháng.

**5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

Số dư các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn lớn hơn 3 tháng và nhỏ hơn hoặc bằng 12 tháng tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình - Chi nhánh Đà Nẵng và các khoản ủy thác đầu tư tại Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực, cụ thể như sau:

	<u>30/6/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	VND	VND
Ngân hàng TMCP An Bình - Chi nhánh Đà Nẵng	22.000.000.000	14.000.000.000
Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực	44.500.000.000	45.000.000.000
	<u>66.500.000.000</u>	<u>59.000.000.000</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**6. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	<u>30/6/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	VND	VND
Lãi dự thu	413.331.334	426.112.000
Cho Công ty Cổ phần Xây dựng EVN Quốc tế 1 vay tạm thời (*)	2.000.000.000	2.000.000.000
Phải thu khác	100.000.000	100.000.000
	<u>2.513.331.334</u>	<u>2.526.112.000</u>

(\*) Khoản Công ty cho Công ty Cổ phần Xây dựng EVN Quốc tế 1 vay tạm thời đã đáo hạn vào ngày 20 tháng 7 năm 2011. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, Công ty chưa trích lập dự phòng phải thu quá hạn đối với khoản này do Ban Tổng Giám đốc đánh giá việc chưa trích lập dự phòng này không ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính.

**7. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC**

	<u>30/6/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	VND	VND
Tạm ứng	487.563.005	597.962.374
Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	2.675.010.000
	<u>487.563.005</u>	<u>3.272.972.374</u>

**8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Tại ngày 01/01/2012	-	-	4.018.999.927	1.374.242.202	5.393.242.129
Mua sắm trong kỳ	-	297.272.727	62.727.273	113.513.166	473.513.166
Xây dựng cơ bản hoàn thành	7.758.965.589	-	-	-	7.758.965.589
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	(28.766.236)	(28.766.236)
Tại ngày 30/6/2012	<u>7.758.965.589</u>	<u>297.272.727</u>	<u>4.081.727.200</u>	<u>1.458.989.132</u>	<u>13.596.954.648</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Tại ngày 01/01/2012	-	-	1.685.244.735	1.093.072.393	2.778.317.128
Khấu hao trong kỳ	92.592.043	11.668.163	342.276.930	71.372.054	517.909.190
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	(28.766.236)	(28.766.236)
Tại ngày 30/6/2012	<u>92.592.043</u>	<u>11.668.163</u>	<u>2.027.521.665</u>	<u>1.135.678.211</u>	<u>3.267.460.082</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại ngày 30/6/2012	<u>7.666.373.546</u>	<u>285.604.564</u>	<u>2.054.205.535</u>	<u>323.310.921</u>	<u>10.329.494.566</u>
Tại ngày 31/12/2011	-	-	2.333.755.192	281.169.809	2.614.925.001

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, nguyên giá của tài sản cố định bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 941.297.347 VND (31 tháng 12 năm 2011: 951.966.600 VND).



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất VND	Quyền sử dụng website VND	Tổng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Tại ngày 01/01/2012	38.136.000.000	38.721.745	38.174.721.745
Tại ngày 30/6/2012	38.136.000.000	38.721.745	38.174.721.745
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Tại ngày 01/01/2012	-	35.668.416	35.668.416
Khấu hao trong kỳ	-	3.053.329	3.053.329
Tại ngày 30/6/2012	-	38.721.745	38.721.745
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại ngày 30/6/2012	38.136.000.000	-	38.136.000.000
Tại ngày 31/12/2011	38.136.000.000	3.053.329	38.139.053.329

**10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	30/6/2012 VND	31/12/2011 VND
Công trình Hạ Sê San 2	188.965.255.272	183.025.416.437
Công trình Hạ Sê San 1/Sê San 5	21.759.962.252	21.686.080.400
Công trình lưới điện đồng bộ các dự án Sê San	14.973.732.280	14.971.026.727
Công trình Thủy điện SêKong	2.624.862.273	2.308.836.924
Công trình Thủy điện Nậm Mô 1	2.560.030.402	2.306.795.927
Công trình Lưới điện đồng bộ Việt Nam-Lào-Campuchia	714.399.316	713.181.818
Công trình Thủy điện Nậm Thơm 1	240.697.853	240.168.995
Xây dựng trụ sở văn phòng Công ty tại Đà Nẵng	-	3.895.589.498
	<b>231.838.939.648</b>	<b>229.147.096.726</b>

Trong số dư chi phí xây dựng cơ bản dở dang tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 đang trình bày trên báo cáo tài chính có 51.150 triệu VND là chi phí quản lý dự án của các dự án Công ty đang triển khai nghiên cứu, chi tiết như sau:

- Dự án thủy điện Hạ Sê San 2:	42.439.278.395 VND;
- Dự án thủy điện Hạ Sê San 1/Sê San 5:	4.810.433.067 VND;
- Dự án thủy điện Sê Kông:	509.534.625 VND;
- Dự án thủy điện Nậm Mô 1:	1.350.938.349 VND;
- Dự án thủy điện Nậm Thơm:	240.697.863 VND;
- Dự án lưới điện đồng bộ Việt Nam - Lào - Campuchia:	1.217.498 VND;
- Dự án đường dây đầu nối nhà máy thủy điện Hạ Sê San 2 vào hệ thống lưới điện khu vực:	1.798.705.553 VND.

Chi phí quản lý dự án bao gồm các chi phí như: tiền thuê văn phòng Công ty tại Việt Nam được phân bổ; chi phí thuê văn phòng tại khu vực dự án làm văn phòng quản lý, điều hành dự án; chi phí khấu hao tài sản cố định (phương tiện, máy móc) phục vụ điều hành dự án; chi phí nhiên liệu, công cụ dụng cụ tham gia trực tiếp công tác điều hành dự án; chi phí tiền lương cán bộ, nhân viên tham gia quản lý dự án; chi phí mua vé máy bay, vé xe cho cán bộ, nhân viên đi công tác, chi phí tiếp khách, tổ chức hội họp liên quan đến dự án.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỠ DANG (Tiếp theo)**

Cơ sở pháp lý để Công ty hạch toán các chi phí trên vào chi phí quản lý dự án như sau:

- Khoản 1, Điều 3, chương III tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty nêu rõ: “Đầu tư, quản lý dự án công trình thủy điện Hạ Sê San 1/Sê San 5 và Hạ Sê San 2 và các dự án điện lực khác tại Campuchia”;
- Tại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần của Công ty (đăng ký thay đổi lần thứ 4, ngày 16 tháng 01 năm 2012), Mục 3 - Ngành, nghề kinh doanh, nội dung thứ 5, ghi rõ “quản lý dự án”.
- Từ khi thành lập đến nay, Công ty hoạt động với nhiệm vụ chính là nghiên cứu đầu tư các dự án, theo hướng dẫn tại Nghị định số 99/2007/NĐ-CP ngày 13/06/2007, Nghị định số 112/2009/NĐ-CP ngày 14/02/2009 của Chính phủ và các quy định hiện hành về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình, trong đó chi phí quản lý dự án là một hạng phục chi phí bạo gồm các chi phí để tổ chức thực hiện quản lý dự án từ khi lập dự án đến khi hoàn thành, nghiệm thu, bàn giao đưa công trình vào khai thác sử dụng. Chi phí này nhằm mục đích để chủ đầu tư thuê tư vấn thực hiện nhiệm vụ tư vấn quản lý dự án. Ở đây, Công ty đủ năng lực thực hiện nên đã tổ chức tự thực hiện nhiệm vụ. Công ty phải phân bổ các chi phí quản lý cho các dự án đang được nghiên cứu đầu tư nhằm phản ánh đầy đủ chi phí hình thành tài sản cố định.
- Theo Ban Tổng Giám đốc Công ty, nguyên tắc “phù hợp” được quy định trong Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 01 “Chuẩn mực chung” có nêu: “Việc ghi nhận doanh thu và chi phí phải phù hợp với nhau. Khi ghi nhận một khoản doanh thu thì phải ghi nhận một khoản chi phí tương ứng tạo ra doanh thu đó. Chi phí tương ứng với doanh thu gồm chi phí của kỳ trước hoặc chi phí phải trả nhưng liên quan đến doanh thu của kỳ đó”.

**11. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 5 ngày 30 tháng 12 năm 2011 của Công ty Cổ phần Xây dựng EVN Quốc tế 1 (EVNIC), giá trị cổ phần của Công ty trong EVNIC là 3.553.570.000 VND (tương đương với 355.357 cổ phần) chiếm 35,54% trong tổng số vốn điều lệ của EVNIC là 10 tỷ VND. Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị Công ty ngày 17 tháng 11 năm 2011, Công ty quyết định không góp thêm vốn điều lệ vào EVNIC. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, Công ty thực góp vào EVNIC là 3.321.470.000 VND. Vì vậy, Ban Tổng Giám đốc Công ty quyết định theo dõi khoản đầu tư này là đầu tư vào Công ty liên kết.

**12. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	<b>Vốn điều lệ</b>	<b>Chênh lệch tỷ giá hối đoái</b>	<b>Lợi nhuận/ (Lỗ) lũy kế</b>	<b>Tổng cộng</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Số dư tại ngày 01/01/2011</b>	<b>365.721.459.148</b>	<b>357.091.986</b>	<b>(56.465.145)</b>	<b>366.022.085.989</b>
Tăng vốn trong năm	1.050.000.000	-	-	1.050.000.000
Lợi nhuận sau thuế trong năm	-	-	7.642.364.165	7.642.364.165
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	505.202.490	-	505.202.490
<b>Số dư tại ngày 01/01/2012</b>	<b>366.771.459.148</b>	<b>862.294.476</b>	<b>7.585.899.020</b>	<b>375.219.652.644</b>
(Lỗ) trong kỳ	-	-	(49.903.901)	(49.903.901)
<b>Số dư tại ngày 30/6/2012</b>	<b>366.771.459.148</b>	<b>862.294.476</b>	<b>7.535.995.119</b>	<b>375.169.748.743</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**12. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)**

**Vốn điều lệ và vốn đầu tư**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3203002232 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp ngày 25 tháng 9 năm 2008 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 4 ngày 16 tháng 01 năm 2012, vốn điều lệ của Công ty là 2.400 tỷ VND. Đến ngày 30 tháng 6 năm 2012, một số cổ đông xin dừng góp vốn, vì vậy, số vốn cam kết tối đa của các cổ đông còn đang tham gia là 1.447.363.000.000 VND.

Theo điều lệ Công ty, số vốn góp theo tiến độ đến ngày 30 tháng 6 năm 2012 là 80% vốn điều lệ (tương đương 1.876.800.000.000 VND). Tuy nhiên, vốn thực góp đến ngày 30 tháng 6 năm 2012 chỉ đạt 366.771.459.148 VND. Chi tiết như sau:

	30/6/2012		31/12/2011	
	VND	%	VND	%
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	81.145.029.148	22,12%	81.145.029.148	22,12%
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại	70.800.000.000	19,30%	70.800.000.000	19,30%
Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình	37.800.000.000	10,31%	37.800.000.000	10,31%
Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	24.000.000.000	6,54%	24.000.000.000	6,54%
Tổng Công ty Nhà nước Một thành viên Điện lực Dầu khí Việt Nam	28.800.000.000	7,85%	28.800.000.000	7,85%
Tập đoàn Cao su Việt Nam	43.200.000.000	11,78%	43.200.000.000	11,78%
Tổng Công ty Viễn thông Quân đội	14.400.000.000	3,93%	14.400.000.000	3,93%
Công ty Cổ phần Đầu tư Bắc Hà	6.000.000.000	1,64%	6.000.000.000	1,64%
Công ty Điện lực 1	4.800.000.000	1,31%	4.800.000.000	1,31%
Công ty Điện lực 2	4.800.000.000	1,31%	4.800.000.000	1,31%
Công ty Điện lực 3	4.800.000.000	1,31%	4.800.000.000	1,31%
Công ty Điện lực thành phố Hồ Chí Minh	7.200.000.000	1,96%	7.200.000.000	1,96%
Công ty Điện lực thành phố Hà Nội	7.200.000.000	1,96%	7.200.000.000	1,96%
Công ty TNHH MTV Điện lực Hải Phòng	2.400.000.000	0,65%	2.400.000.000	0,65%
Công ty TNHH MTV Điện lực Đà Nẵng	2.700.000.000	0,74%	2.700.000.000	0,74%
Công ty TNHH MTV Điện lực Ninh Bình	2.700.000.000	0,74%	2.700.000.000	0,74%
Công ty TNHH MTV Điện lực Đồng Nai	2.700.000.000	0,74%	2.700.000.000	0,74%
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng điện 2	3.150.000.000	0,86%	3.150.000.000	0,86%
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng điện 3	3.150.000.000	0,86%	3.150.000.000	0,86%
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng điện 4	1.050.000.000	0,29%	1.050.000.000	0,29%
Các cổ đông thể nhân khác	13.976.430.000	3,81%	13.976.430.000	3,81%
	<b>366.771.459.148</b>	<b>100%</b>	<b>366.771.459.148</b>	<b>100%</b>

**13. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011
	VND	VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	5.669.945.045	4.033.079.915
	<b>5.669.945.045</b>	<b>4.033.079.915</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**14. (LỖ)/LỢI NHUẬN KHÁC**

	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011
	VND	VND
<b>Thu nhập khác</b>	<b>20.000.001</b>	<b>51.290.059.091</b>
Thu nhập từ chuyển nhượng quyền sử dụng đất	-	51.274.150.000
Bán hồ sơ thầu	-	15.909.091
Thanh lý tài sản cố định, công cụ dụng cụ	9.090.910	-
Thu tiền cho thuê đất	10.909.091	-
<b>Chi phí khác</b>	<b>1.662.639.579</b>	<b>38.932.471.800</b>
Giá trị quyền sử dụng đất đã chuyển nhượng	-	38.919.000.000
Chi phí mời thầu	-	13.471.800
Chi phí các dự án thủy điện đã dừng hoạt động	1.661.439.423	-
Khác	1.200.156	-
<b>(Lỗ)/Lợi nhuận khác</b>	<b>(1.642.639.578)</b>	<b>12.357.587.291</b>

**15. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011
	VND	VND
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>(49.903.901)</b>	<b>11.952.255.021</b>
Trong đó:		
- (Lỗ) từ hoạt động kinh doanh	(49.903.901)	(402.894.979)
- Lợi nhuận từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản	-	12.355.150.000
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	38.302.156	-
<i>Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ</i>	<i>38.302.156</i>	<i>-</i>
<b>Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chịu thuế</b>	<b>(11.601.745)</b>	<b>(402.894.979)</b>
<b>Thu nhập từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản chịu thuế</b>	<b>-</b>	<b>12.355.150.000</b>
Thuế suất thông thường	25%	25%
<b>Thuế từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Thuế từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản</b>	<b>-</b>	<b>3.088.787.500</b>
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>-</b>	<b>3.088.787.500</b>

**16. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty.

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 3.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**16. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ	
	30/6/2012 VND	31/12/2011 VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	28.834.440.244	29.136.328.849
Phải thu khác	2.513.331.334	2.526.112.000
Đầu tư ngắn hạn	66.500.000.000	59.000.000.000
Tài sản tài chính ngắn hạn khác	-	2.675.010.000
Tài sản tài chính dài hạn khác	488.582.632	455.623.159
<b>Tổng cộng</b>	<b>98.336.354.210</b>	<b>93.793.074.008</b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Phải trả người bán và phải trả khác	25.229.462.003	24.252.488.806
<b>Tổng cộng</b>	<b>25.229.462.003</b>	<b>24.252.488.806</b>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và rủi ro về giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

*Quản lý rủi ro tỷ giá*

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	30/6/2012 VND	31/12/2011 VND	30/6/2012 VND	31/12/2011 VND
<i>Đô La Mỹ (USD)</i>	-	-	96.725.232	96.725.232

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**16. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Quản lý rủi ro về giá*

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

*Quản lý rủi ro về giá hàng hóa*

Công ty không chịu các rủi ro liên quan đến sự thay đổi về giá cả của hàng hóa.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

**Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

30/6/2012	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Phải trả người bán và phải trả khác	25.229.462.003	-	25.229.462.003
31/12/2011	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Phải trả người bán và phải trả khác	24.252.488.806	-	24.252.488.806

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**16. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)**

30/6/2012	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	28.834.440.244	-	28.834.440.244
Phải thu khác	2.513.331.334	-	2.513.331.334
Đầu tư ngắn hạn	66.500.000.000	-	66.500.000.000
Tài sản tài chính dài hạn khác	-	488.582.632	488.582.632
<b>31/12/2011</b>	<b>Dưới 1 năm</b>	<b>Từ 1 - 5 năm</b>	<b>Tổng</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	29.136.328.849	-	29.136.328.849
Phải thu khác	2.526.112.000	-	2.526.112.000
Đầu tư ngắn hạn	59.000.000.000	-	59.000.000.000
Tài sản tài chính ngắn hạn khác	2.675.010.000	-	2.675.010.000
Tài sản tài chính dài hạn khác	-	455.623.159	455.623.159

**17. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011
	VND	VND
<b>Xây dựng cơ bản dở dang</b>		
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 3	-	1.209.092.053
<b>Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc</b>	<b>321.841.000</b>	<b>816.794.000</b>

Số dư với các bên liên quan:

	30/6/2012	31/12/2011
	VND	VND
<b>Trả trước cho người bán</b>		
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 4	5.218.275.000	5.218.275.000
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 3	1.467.028.810	1.467.028.810
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2	424.000.000	-
<b>Phải trả người bán</b>		
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2	501.518.581	501.518.581
<b>Phải thu khác</b>		
Công ty Cổ phần Xây dựng EVN Quốc tế 1	2.079.333.334	2.056.000.000
<b>Tiền gửi và ký quỹ</b>		
Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình		
- Tiền gửi	36.668.175	1.130.353.068
- Ký quỹ	-	2.675.010.000
<b>Ủy thác đầu tư</b>		
Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực	44.500.000.000	45.000.000.000

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**18. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh trên bảng cân đối kế toán và các thuyết minh tương ứng là số liệu trên báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

Số liệu so sánh của báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh tương ứng là số liệu trên báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011 chưa được soát xét và được trình bày cho mục đích tham khảo.



Nguyễn Nam Thăng  
Tổng Giám đốc

Ngày 04 tháng 8 năm 2012

Hoàng Xuân Quý  
Kế toán trưởng

